TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mụi;

2. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà:*** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐHPT-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hỷ M, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 101, tổ 03, ấp 06, xã Lô 25, huyện T, tỉnh Đồng Nai, (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 01, khóm 01, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Hỷ M trình bày*: Bà M và ông S chung sống với nhau từ năm 2019 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang vào ngày 02/5/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì xảy ra mâu thuẫn do ông S không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu. Mặc cho bà M đã nhiều lần khuyên chồng nên tập trung vào công việc cố gắng kiếm tiền lo cho gia đình, nhưng ông S

không thay đổi. Từ đó, dẫn đến hôn nhân rạn nứt nên bà M và ông S đã ly thân một thời gian không còn sống chung với nhau, bà M yêu cầu ly hôn với ông S; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn S:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo trình tự tố tụng nhưng ông S không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, ông S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn giữa bà M và ông S.

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông S.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông S. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 01, khóm 01, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b

khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông S chung sống với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019, ngày 02 tháng 05 năm 2019 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà M yêu cầu được ly hôn với ông S. Sau khi thụ lý Tòa án mở phiên hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông S, nhưng ông S không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông S.

Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 12 năm 2020 được đại diện Văn phòng ban nhân dân khóm 1, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang cung cấp thông tin xác nhận ông S có đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà, hộ khẩu hiện nay của ông S vẫn còn đăng ký chủ hộ tại địa chỉ nêu trên.

Qua phần trình bày của bà M được biết ông S không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và có cự cải nhau. Từ những bất đồng trong cuộc sống hôn nhân do ông S không vì gia đình mà chí thú làm ăn, nên bà M không thể tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân với ông S. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà M yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà M khai không có nhưng do chưa có ý kiến của ông S về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà M chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000443 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Hỷ M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hỷ M được ly hôn với ông Nguyễn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019, ngày 02 tháng 05 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hỷ M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000443 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND trị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu